| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 168/2026/QĐST-HNGĐ | *Hải Phòng, ngày 24 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 286/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn G, phường L, thành phố Hải Phòng; số căn cước công dân: 031092015014.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; 031193017426.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là phường L), thành phố Hải Phòng vào ngày 23/5/2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024. Nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không còn hòa hợp. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H và anh T cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con: Chị H và anh T thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/2024, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T thỏa thuận anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T số tiền 5.000.000 đồng/tháng (*năm triệu đồng một tháng*), tính từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị H và anh T mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định.

[6] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/7/2026, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị H và anh T gồm các nội dung từ [1] đến [5]. Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/2024, cho đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H số tiền 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng), tính từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh T mỗi người phải chịu ½ lệ phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí Tòa án số 0007917 ngày 26/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng anh T phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều điều 6,7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- THA DS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**